**KẾ HOẠCH**

**CHUYỂN ĐỔI SỐ SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH, UBND HUYỆN,**

**THÀNH PHỐ ........ NĂM 2023**

*(Kèm theo Công văn số /STTTT-BCVTCNTT ngày / /2023*

*của Sở Thông tin và Truyền thông)*

**Phần I**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023**

Căn cứ kết quả thực hiện chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin năm 2023, các Sở, ban, ngành, UBND huyện thành phố tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, trong đó đánh giá cụ thể mục tiêu đã hoàn thành, chưa hoàn thành theo kế hoạch, mức độ hoàn thành mục tiêu theo Kế hoạch 5 năm của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, đánh giá những khó khăn, hạn chế, hiệu quả kinh tế - xã hội của các hoạt động chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin đề xuất những giải pháp thúc đẩy trong thời gian tới.

Các nội dung đánh giá chính bao gồm:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023**

Thực hiện đánh giá các mục tiêu đạt được năm 2023 theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương.

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023**

**1. Nhận thức số**

***1.1. Ngày Chuyển đổi số***

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

***1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số***

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

***1.3. Truyền thông về chuyển đổi số***

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**2. Thể chế số**

***2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch của cấp chính quyền về chuyển đổi số***

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

***2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023***

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**3. Hạ tầng số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**4. Dữ liệu số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**5. Nền tảng số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**6. Nhân lực số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**7. An toàn thông tin mạng**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**8. Chính phủ số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**9. Kinh tế số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**10. Xã hội số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**11. Kinh phí thực hiện**

Nêu tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền số, chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước năm 2023 *(Danh mục các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, danh mục nhiệm vụ sử dụng kinh phí chi thường xuyên được nêu trong phụ lục riêng, thông tin về mỗi dự án bao gồm: Tên dự án/nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung đầu tư/nhiệm vụ, tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt, tổng vốn/kinh phí đã chi, nguồn vốn, thời gian thực hiện, hiện trạng); tỷ lệ chi cho CNTT/tổng vốn NSNN của bộ, tỉnh).*

***(Phụ lục I kèm theo)***

**Phần II**

**NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024**

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Xác định những căn cứ để xây dựng Kế hoạch, trong đó lưu ý một số văn bản như:

*- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;*

*- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng   
Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;*

*- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng   
Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Quyết định 1509/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lai Châu, phiên bản 2.0;*

*- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";*

*- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;*

*- Quyết định số 17/QĐ-UBQGCĐS ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;*

*- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.*

*- Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;*

*-* *Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành  
Đảng bộ tỉnh Lai Châu về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn  
2021-2025, định hướng đến năm 2030.*

*- Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu”.*

**II. MỤC TIÊU**

- Xác định cụ thể mục tiêu về chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương năm 2024.

- Các mục tiêu cần rõ ràng, định lượng, khả thi, hiệu quả, dễ theo dõi, đánh giá kết quả; bám sát mục tiêu theo Kế hoạch 5 năm của bộ, ngành, địa phương; mục tiêu Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số giai đoạn   
2021-2025; Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và phù hợp với hiện trạng, nhu cầu thực tế của cơ quan, đơn vị.

**III. NHIỆM VỤ**

**1. Nhận thức số**

***1.1. Ngày Chuyển đổi số***

Căn cứ hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị ban hành Kế hoạch triển khai bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân địa phương. Cụ thể bao gồm: Căn cứ Kế hoạch số 3189/KH-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tổ chức hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia (ngày 10 tháng 10) trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2023; Kế hoạch hưởng ứng và phổ biến Tháng 10 - Tháng Tiêu dùng số.

***1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số***

- Chuyển đổi số là một phương thức phát triển mới, là thêm một phương thức mới để giải quyết các bài toán đã đặt ra, những vấn đề nhức nhối có thể tồn tại từ lâu chưa giải quyết được. Vì vậy, các Sở, ban, ngành, UBND huyện thành phố cần xác định tường minh bài toán chuyển đổi số của mình, xuất phát từ chính đặc thù của đơn vị, tham vấn ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp công nghệ số lớn của Việt Nam trong việc xác định bài toán.

- Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

***1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số ” trên Zalo***

Chỉ đạo cán bộ các đơn vị tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác. Việc tham gia chỉ đơn giản bằng cách sử dụng Zalo và thực hiện quét mã QR.

**2. Thể chế số**

Xác định các văn bản, cơ chế, chính sách cần xây dựng để phát triển Chính phủ số/Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin *(văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn; quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật; định mức kinh tế- kỹ thuật, đơn giá xây dựng, duy trì, vận hành; quy định; quy chế; xây dựng/cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính phủ số, Kiến trúc chuyển đổi số lĩnh vực, cơ quan, đơn vị;…).*

**3. Hạ tầng số**

Xác định các nội dung phát triển hạ tầng số các cấp tới cấp phường, xã đối với các huyện, thành phố, tới cấp đơn vị trực thuộc đối với các Sở, ban, ngành trong đó ưu tiên xây dựng, sử dụng hạ tầng số dùng chung trên cơ sở xác định đúng, đủ nhu cầu *(trang bị máy tính cho CBCC; mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao, kết nối WAN; Trung tâm dữ liệu; ứng dụng điện toán đám mây; kho dữ liệu, lưu trữ tập trung; chữ ký số; sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước; hạ tầng IoT nếu có; ...).*

**4. Dữ liệu số**

Xác định các nội dung phát triển dữ liệu số của cơ quan trong đó ưu tiên xây dựng, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; Mở dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước để phát triển kinh tế số, xã hội số.

**5. Nền tảng số**

- Phát triển các nền tảng, hệ thống cho phát triển Chính phủ số/Chính quyền số *(Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh- LGSP; nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh; các nền tảng, dịch vụ số dùng chung của bộ, ngành, địa phương hoặc toàn quốc;…).*

- Phát triển các nền tảng, hệ thống cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

**6. Nhân lực số**

Các nhiệm vụ để bảo đảm nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng *(tổ chức bộ máy, đào tạo, nâng cao nhận thức lãnh đạo các cấp; đào tạo chuyên gia chuyển đổi số; đào tạo kỹ năng số cho CBCC; thu hút chuyên gia cao cấp tham gia đào tạo; ứng dụng các nền tảng đào tạo trực tuyến; …)*.

**7. An toàn thông tin mạng**

*7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ*

Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành.

*7.2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng*

Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

*7.3. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng*

- Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

*7.4. Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin*

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Rà soát, bổ sung nhân lực an toàn thông tin, bảo đảm tối thiếu mỗi đơn vị chuyên trách an toàn thông tin mạng của cơ quan, đơn vị có tối thiểu 02 chuyên gia về an toàn thông tin, ứng cứu sự cố.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tham gia tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2024.

- Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

- Tham gia tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng.

**8. Chính phủ số**

Các nhiệm vụ để bảo đảm khai thác triệt để hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lớn quy mô quốc gia, đồng thời bảo đảm các kết nối giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh; cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình; …

**9. Kinh tế số**

Xác định những nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra   
tại Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bảo đảm phù hợp với nội dung về phát triển kinh tế số nêu tại Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**10. Xã hội số**

Xác định những nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra   
tại Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bảo đảm phù hợp với nội dung về phát triển xã hội số nêu tại Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**IV. GIẢI PHÁP**

Xác định các giải pháp để tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ đã đặt ra. Cụ thể bao gồm (không giới hạn) các nhóm giải pháp tiêu biểu như sau:

**1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp**

Bao gồm các hoạt động như: ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; Xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; Xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân…

**2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp**

Bao gồm các hoạt động như: phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số…

**3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ**

Bao gồm các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,…

**4. Thu hút nguồn lực CNTT**

Bao gồm các hoạt động nhằm thu hút, đa dạng hóa nguồn lực (tài chính và nhân lực) để chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Nguồn lực được coi là giải pháp quan trọng, cốt lõi để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số nhằm thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số của quốc gia. Do đó, Sở, ban, ngành, UBND huyện thành phố cần ưu tiên, có phải pháp cụ thể bảo đảm nguồn lực, nhất là tài chính để thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch.

**5. Tăng cường hợp tác quốc tế**

Bao gồm các hoạt động hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam;…).

**V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Xác định nguồn kinh phí, dự kiến tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Xác định trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của các cơ quan, tổ chức.

**VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

Xác định danh mục nhiệm vụ, dự án để triển khai Kế hoạch dựa trên các nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện, trong đó với mỗi nhiệm vụ, dự án cần nêu rõ đơn vị chủ trì; nhiệm vụ, dự án mới hay chuyển tiếp, mục tiêu, quy mô, nội dung, thời gian triển khai, dự kiến mức kinh phí và nguồn vốn./.

*Chú ý: Để đảm bảo Kế hoạch khả thi trong thực tiễn, các danh mục, nhiệm vụ trong Kế hoạch cần thống nhất với danh mục nhiệm vụ tại Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.*

***(Phu lục II kèm theo)***